
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
SỐ 3 HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán**

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3-6
Báo cáo kiểm toán	7
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng được chuyển từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 3270 QĐ/UBND ngày 20/12/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng, theo hình thức bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp để thành lập Công ty Cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000346 ngày 25/12/2002, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười lăm ngày 24/09/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: xây dựng công trình giao thông, cầu cống;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: bán buôn đồ điện gia dụng, hàng điện lạnh, đèn và bộ đèn điện;
- Xây dựng công trình công ích, chi tiết: thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm quầy bar);
- Điều hành tour du lịch; Sản xuất giường, tủ, bàn ghế;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, chi tiết: khám chữa bệnh;
- Giám dục mầm non;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: tư vấn lập dự án, tư vấn quản lý dự án;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Đại lý du lịch;
- Lắp đặt hệ thống điện, chi tiết: lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống phòng cháy chữa cháy;
- Giáo dục thể thao và giải trí; Bán buôn đồ uống có cồn;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại. Chi tiết: bán lẻ quần áo, giày dép, hàng ngũ kim, đồ dùng gia đình, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ thể thao, lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, đồ chơi trẻ em (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm kinh doanh);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, chi tiết: lắp dựng khung nhà tiền chế;

CÔNG TY CP XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

Địa chỉ: tầng 3 tòa nhà Htower II, 195 Văn Cao, TP Hải Phòng

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: sản xuất khung nhà tiền chế; Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, bán buôn kính xây dựng, bán buôn sơn, vecni, bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản (bao gồm kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, cho thuê nhà ở);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ (không bao gồm môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại, đào tạo tin học.

Vốn điều lệ của Công ty là: 155.430.290.000 đ (Một trăm năm mươi lăm tỷ bốn trăm ba mươi triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 3 tòa nhà Htower II số 195 Văn Cao, TP Hải Phòng.

Công ty con

1. Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Haco 3D

Địa chỉ	: Số 28 Thiên Lô, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Vốn điều lệ	: 7.800.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp	: 100%
Quyền biểu quyết	: 100%
Hoạt động kinh doanh	: Tư vấn, thiết kế

2. Công ty cổ phần ACS Việt Nam

Địa chỉ : Số 5, Hồ Xuân Hương, P Minh Khai, TP Hải Phòng
Vốn điều lệ : 108.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 50,96%
Quyền biểu quyết : 50,96%
Hoạt động kinh doanh : In ấn, quảng cáo, kinh doanh địa ốc, xây dựng

Công ty liên kết

1. Công ty LD Làng quốc tế Hướng Dương GS-HP

Địa chỉ : 35 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng
Vốn điều lệ : 94.048.163.210 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 40%
Quyền biểu quyết : 40%
Hoạt động kinh doanh : Kinh doanh và cho thuê khu nhà ở, văn phòng, nhà hàng, khu vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan

2. Công ty cổ phần Thành Hưng

Địa chỉ : KCN Chơn Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước
Vốn điều lệ : 40.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 31%
Quyền biểu quyết : 31%
Hoạt động kinh doanh : Thi công xây lắp, xây dựng công trình, kinh doanh, mua bán đất nhà, chợ ...

3. Công ty cổ phần Công nghệ Y học Lạch Tray

Địa chỉ : Số 7 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 40%
Quyền biểu quyết : 40%
Hoạt động kinh doanh : Dịch vụ khám chữa bệnh

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông: Phạm Kỳ Hưng	Tổng Giám đốc
Ông: Đào Việt Trúc	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông: Bùi Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Nguyễn Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo qui định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 5/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 05 năm 2013

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Số: 2130/BCKT-TC/NV7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Về Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng lập ngày 20 tháng 05 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 8 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán :

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần ACS Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 chưa được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng, do tại thời điểm hợp nhất chưa có số liệu kế toán, tài chính. Do đó, chúng tôi không thể đưa ý kiến kiểm toán về ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng (nếu có), Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Nguyễn Viết Long**
Phó giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0692/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, Ngày 20 tháng 05 năm 2013

Trần Trí Dũng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0895/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
100	A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)		35.736.062.953	39.606.766.602
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.261.705.328	1.157.058.876
111	1. Tiền		1.261.705.328	1.157.058.876
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.914.186.840	3.498.453.796
121	1. Đầu tư ngắn hạn		3.361.288.840	3.498.453.796
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(447.102.000)	
130	III. Các khoản phải thu		23.087.819.762	6.732.963.484
131	1. Phải thu của khách hàng		13.592.199.841	6.432.318.388
132	2. Trả trước cho người bán		389.489.131	1.583.810.970
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		183.705.911	-
135	5. Các khoản phải thu khác	5	11.192.265.449	1.107.160.751
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(2.269.840.570)	(2.390.326.625)
140	IV. Hàng tồn kho	6	2.907.339.454	12.547.191.179
141	1. Hàng tồn kho		2.907.339.454	12.547.191.179
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.565.011.569	15.671.099.267
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		46.324.478	5.447.256
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	536.016.676
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	5.518.687.091	15.129.635.335
200	B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260+269)		254.385.667.767	221.748.956.479
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		2.030.423.264	2.183.957.644
221	1. Tài sản cố định hữu hình		1.977.469.764	2.094.718.821
222	- Nguyên giá		9.336.727.696	8.997.662.360
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(7.359.257.932)	(6.902.943.539)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	15.502.500	28.620.000
228	- Nguyên giá		42.930.000	42.930.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(27.427.500)	(14.310.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	37.451.000	60.618.823
240	III. Bất động sản đầu tư	11	90.333.782.864	64.882.225.756
241	- Nguyên giá		110.438.538.866	77.300.217.256
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(20.104.756.002)	(12.417.991.500)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		158.459.245.730	151.886.917.545
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	63.660.155.000	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	13	61.702.085.570	119.534.885.145
258	3. Đầu tư dài hạn khác	14	36.867.565.000	37.494.133.840
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(3.770.559.840)	(5.142.101.440)
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.562.215.909	2.795.855.534
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	3.532.718.745	2.614.326.994
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		29.497.164	181.528.540
269	VI. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		290.121.730.720	261.355.723.081

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NGUỒN VỐN				
300	A. Nợ phải trả (300=310+330)		41.506.503.396	32.252.628.802
310	I. Nợ ngắn hạn		37.984.763.810	30.043.301.029
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	3.274.957.740	2.000.000.000
312	2. Phải trả cho người bán		4.777.259.943	2.025.145.732
313	3. Người mua trả tiền trước		4.740.509.178	2.380.677.590
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.396.146.137	4.064.568.887
315	5. Phải trả người lao động		1.782.772.935	1.320.225.257
316	6. Chi phí phải trả	18	124.220.954	1.581.482.893
317	7. Phải trả nội bộ		-	40.037.973
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	12.165.905.161	11.410.102.857
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.219.051.003	1.041.881.836
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		6.503.940.759	4.179.178.004
330	II. Nợ dài hạn		3.521.739.586	2.209.327.773
333	3. Phải trả dài hạn khác		2.804.824.494	1.780.870.955
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	428.456.818
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		716.915.092	
400	B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)		248.615.227.324	229.103.094.279
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	20	248.615.227.324	229.103.094.279
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		155.430.290.000	142.596.560.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		974.823	974.823
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(5.893.190)	1.854.476
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		5.953.490.029	5.953.490.029
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		22.062.776.553	25.926.912.151
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.450.297.946	1.065.616.803
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		62.723.291.163	53.557.685.997
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
439	C. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		290.121.730.720	261.355.723.081

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại USD		2.755,87	7.481,68

Hải Phòng, ngày 20 tháng 05 năm 2013

Người lập biểu

Trưởng Phòng Kế toán

Tổng Giám đốc





Vũ Thị Vân Thường

Trần Thị Hải Hà

Phạm Kỳ Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	63.716.613.520	40.613.238.353
02	2. Các khoản giảm trừ	22	2.384.486.243	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	61.332.127.277	40.613.238.353
11	4. Giá vốn hàng bán	24	43.431.471.904	33.153.193.255
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.900.655.373	7.460.045.098
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	2.569.288.370	15.341.640.166
22	7. Chi phí tài chính	26	108.700.520	1.212.150.035
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		985.946.764	321.635.429
24	8. Chi phí bán hàng		185.902.957	183.571.778
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		8.250.345.837	1.622.733.029
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.924.994.429	19.783.230.422
31	11. Thu nhập khác		1.749.587.373	941.756.548
32	12. Chi phí khác		640.676.332	95.219.540
40	13. Lợi nhuận khác		1.108.911.041	846.537.008
45	14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD		10.698.999.029	11.939.365.880
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.732.904.499	32.569.133.310
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	2.132.923.422	4.497.952.046
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		152.031.376	106.613.487
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.447.949.701	27.964.567.777
61	19. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		21.447.949.701	27.964.567.777
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	<u>1.439</u>	<u>2.041</u>

Người lập biểu

Trưởng Phòng Kế toán

Hải Phòng, ngày 20 tháng 05 năm 2013

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Vân Thường

Trần Thị Hải Hà



Phạm Kỳ Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		21.447.949.701	32.569.133.310
	2. Điều chỉnh các khoản		6.611.772.458	(21.748.654.720)
02	- Khấu hao TSCĐ		8.143.078.895	4.706.187.283
03	- Các khoản dự phòng		(924.439.600)	(329.116.528)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá		5.893.190	(184.112)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu		(1.598.706.791)	(14.507.810.912)
06	- Chi phí lãi vay		985.946.764	321.635.429
07	3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		28.059.722.159	10.820.478.590
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		744.645.368	(5.977.215.700)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		925.704.514	(8.273.901.819)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay, thuế TNDN)		4.135.279.965	1.254.962.526
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(946.828.905)	(2.014.340.817)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(985.946.764)	(280.488.327)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.178.675.673)	(4.957.216.107)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.426.562.238	11.500.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(431.786.186)	(306.067.394)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		34.748.676.716	(9.722.289.048)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(24.164.126.005)	(24.547.545.184)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác			142.727.272
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			(77.698.453.796)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			74.900.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.800.000.000)	(10.577.328.233)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			29.579.322.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.598.706.791	10.591.021.835
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(27.365.419.214)	2.389.743.894
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		12.098.238.107	10.445.418.936
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(10.823.280.367)	(8.769.661.356)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.547.585.600)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		7.272.627.860	1.675.757.580
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		110.629.642	(5.656.787.574)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.157.058.876	6.804.447.171
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		(5.983.190)	9.399.279
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		1.261.705.328	1.157.058.876


Người lập biểu

Trưởng Phòng Kế toán

Hải Phòng, ngày 20 tháng 05 năm 2013

Tổng Giám đốc


Vũ Thị Vân Thương


Trần Thị Hải Hà



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng được chuyển từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 3270 QĐ/UBND ngày 20/12/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng, theo hình thức bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp để thành lập Công ty Cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000346 ngày 25/12/2002, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười lăm ngày 24/09/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 155.430.290.000 đ (Một trăm năm mươi lăm tỷ bốn trăm ba mươi triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng)

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 3 tòa nhà Htower II số 195 Văn Cao, TP Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: xây dựng công trình giao thông, cầu cống;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: bán buôn đồ điện gia dụng, hàng điện lạnh, đèn và bộ đèn điện;
- Xây dựng công trình công ích, chi tiết: thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm quầy bar);
- Điều hành tour du lịch;
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, chi tiết: khám chữa bệnh;
- Giám dực mầm non;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: tư vấn lập dự án, tư vấn quản lý dự án;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Đại lý du lịch;
- Lắp đặt hệ thống điện, chi tiết: lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống phòng cháy chữa cháy;

- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Bán buôn đồ uống có cồn;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại. Chi tiết: bán lẻ quần áo, giày dép, hàng ngũ kim, đồ dùng gia đình, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ thể thao, lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, đồ chơi trẻ em (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm kinh doanh);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, chi tiết: lắp dựng khung nhà tiền chế;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: sản xuất khung nhà tiền chế;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, bán buôn kính xây dựng, bán buôn sơn, vecni, bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản (bao gồm kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, cho thuê nhà ở);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ (không bao gồm môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại, đào tạo tin học.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết:

Tổng số các công ty con: 02 công ty

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01 công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

1, Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Haco 3D

Địa chỉ : Số 28 Thiên Lô, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Vốn điều lệ : 7.800.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 100%
Quyền biểu quyết : 100%
Hoạt động kinh doanh : Tư vấn, thiết kế

Danh sách các công ty con không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

1, Công ty cổ phần ACS Việt Nam

Địa chỉ : Số 5, Hồ Xuân Hương, P Minh Khai, TP Hải Phòng
Vốn điều lệ : 108.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 50,96%
Quyền biểu quyết : 50,96%
Hoạt động kinh doanh : In ấn, quảng cáo, kinh doanh địa ốc, xây dựng

Lý do: Công ty kể trên chưa có số liệu tài chính năm 2012 tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, Ban giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng cam kết và cho rằng việc không hợp nhất các Công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ không làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

Tổng số các công ty liên kết: 03 công ty

- Số lượng các công ty liên kết được hợp nhất: 03 công ty
- Số lượng các công ty liên kết không được hợp nhất: 00 công ty

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính Công ty mẹ. Trong trường hợp cần thiết Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các Công ty con là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư.

Cổ tức, lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Công ty liên kết trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, Công ty liên kết hoặc đơn vị nhận góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm. Khi bán Công ty con hoặc Công ty liên kết, đơn vị nhận góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế

thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo hướng dẫn tại thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh đối với các công trình xây dựng dở dang, theo phương pháp bình quân đối với nguyên nhiên vật liệu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo quy định tại Thông tư 203/TT/BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị

của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay. Tiền lãi vay phải trả đã được tính và phân bổ trung thực hợp lý vào Báo cáo tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành hoặc quyết toán công trình hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành (25%).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Năm 2012 Công ty áp dụng ưu đãi giảm 30% thuế TNDN phải nộp, việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

028
NG T
EM H
N KẾ
HỆM T
ỆT N
QUAN

3. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	208.458.769	586.710.853
Tiền gửi ngân hàng	1.053.246.559	570.348.023
Cộng	1.261.705.328	1.157.058.876
4. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.561.288.840	104.187.700
Cho vay ngắn hạn	1.800.000.000	3.394.266.096
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(447.102.000)	-
Cộng	2.914.186.840	3.498.453.796
5. Các khoản phải thu khác	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	10.131.855.397	-
Phải thu về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	17.578.830	-
Phải thu khác	1.042.831.222	1.107.160.751
Cộng	11.192.265.449	1.107.160.751
6. Hàng tồn kho	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	353.855.843	596.006.096
Công cụ, dụng cụ	36.639.696	15.520.950
Chi phí SXKD dở dang (*)	2.043.625.141	11.456.289.098
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	473.218.774	479.375.035
Hàng gửi đi bán	-	-
Kho Bảo thuế	-	-
Hàng hóa bất động sản	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	2.907.339.454	12.547.191.179
7. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	5.486.407.425	15.129.635.335
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.279.666	-
Cộng	5.518.687.091	15.129.635.335
8. Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 1)		

9 . Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	-	-	-	42.930.000	42.930.000
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua sắm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	42.930.000	42.930.000
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	-	-	-	14.310.000	14.310.000
Tăng trong năm	-	-	-	13.117.500	13.117.500
- Trích khấu hao TSCĐ	-	-	-	13.117.500	13.117.500
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	27.427.500	27.427.500
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	-	28.620.000	28.620.000
Số cuối năm	-	-	-	15.502.500	15.502.500

10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	37.451.000	60.618.823
Các Công trình khác	37.451.000	60.618.823
Cộng	37.451.000	60.618.823

11 . Bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhà, vật kiến trúc	Chung cư 195 Văn Cao	Chung cư 197 Văn Cao	Cộng
Nguyên giá BĐSĐT					
Số đầu năm	-	-	28.370.148.594	48.930.068.662	77.300.217.256
Tăng trong năm	-	-	1.066.982.432	32.071.339.178	33.138.321.610
- XDCB hoàn thành	-	-	1.066.982.432	32.071.339.178	33.138.321.610
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	29.437.131.026	81.001.407.840	110.438.538.866
Hao mòn BĐSĐT					
Số đầu năm	-	-	11.863.321.582	554.669.918	12.417.991.500
Tăng trong năm	-	-	2.627.080.002	5.059.684.500	7.686.764.502
- Trích khấu hao	-	-	2.627.080.002	5.059.684.500	7.686.764.502
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	14.490.401.584	5.614.354.418	20.104.756.002
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	16.506.827.012	48.375.398.744	64.882.225.756
Số cuối năm	-	-	14.946.729.442	75.387.053.422	90.333.782.864

12 . Đầu tư vào công ty con	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty CP ACS Việt Nam (*)	63.660.155.000	-
Cộng	63.660.155.000	-
(*) kế toán theo phương pháp giá gốc, giá trị dự phòng giảm giá đã trích	(1.324.108.640)	
13 . Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Làng quốc tế Hường dương	48.970.722.843	49.152.892.589
Công ty CP ACS Việt Nam	-	60.274.135.000
Công ty CP Thành Hưng	12.611.016.350	9.806.416.947
Công ty CP Công nghệ Y học Lạch Tray	120.346.377	301.440.609
Cộng	61.702.085.570	119.534.885.145
14 . Đầu tư dài hạn khác	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng CP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	626.568.840
Công ty CP Sơn Hải Phòng (*)	7.282.940.000	7.282.940.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	29.584.625.000	29.584.625.000
Cộng	36.867.565.000	37.494.133.840
(*) Đã lập dự phòng giảm giá chứng khoán tại ngày 31/12/2012	(2.446.451.200)	
15 . Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Giá trị còn lại của CCDC đang sử dụng chờ phân bổ	3.532.718.745	2.614.326.994
Cộng	3.532.718.745	2.614.326.994
16 . Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay các tổ chức	-	2.000.000.000
Vay cá nhân	3.274.957.740	-
Cộng	3.274.957.740	2.000.000.000
17 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	989.158.391	521.071.526
Thuế TTĐB	85.060.239	-
Thuế TNDN	2.304.808.190	3.468.599.978
Thuế thu nhập cá nhân	17.119.317	17.477.383
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	57.420.000
Cộng	3.396.146.137	4.064.568.887

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . Chi phí phải trả	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi vay trích trước	-	-
Trích trước chi phí phải trả khác	124.220.954	1.581.482.893
Cộng	124.220.954	1.581.482.893

19 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	168.728.505	165.855.712
Bảo hiểm xã hội, y tế	161.345.052	29.481.847
Bảo hiểm y tế	29.018.466	-
Bảo hiểm thất nghiệp	8.525.066	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.798.288.072	11.214.765.298
Cộng	12.165.905.161	11.410.102.857

20 . Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Nguồn vốn chủ sở hữu (phụ lục 2)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	155.430.290.000	142.596.560.000
Cộng	155.430.290.000	142.596.560.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2012	Năm 2011
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	142.596.560.000	125.084.700.000
+ Vốn góp tăng trong năm	12.833.730.000	17.511.860.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	155.430.290.000	142.596.560.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2011
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.543.029	14.259.656
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	15.543.029	14.259.656
+ Cổ phiếu phổ thông	15.543.029	14.259.656
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.543.029	14.259.656
+ Cổ phiếu phổ thông	15.543.029	14.259.656
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000
21 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	9.509.523.099	10.393.625.545
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.713.804.899	21.364.657.845
Doanh thu các hợp đồng xây dựng	12.493.285.522	8.854.954.963
Cộng	63.716.613.520	40.613.238.353
22 . Các khoản giảm trừ	Năm 2012	Năm 2011
Hàng bán bị trả lại	2.384.486.243	-
Cộng	2.384.486.243	-
23 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.509.523.099	10.393.625.545
Doanh thu thuần hoạt động đầu tư các khu đô thị	39.329.318.656	21.364.657.845
Doanh thu thuần về các hợp đồng xây dựng	12.493.285.522	8.854.954.963
Cộng	61.332.127.277	40.613.238.353
24 . Giá vốn hàng bán	Năm 2012	Năm 2011
Giá vốn về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10.312.973.426	9.977.203.968
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.569.150.717	15.144.203.814
Giá vốn hợp đồng xây dựng	9.549.347.761	8.031.785.473
Cộng	43.431.471.904	33.153.193.255
25 . Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	827.546.441	726.240.988
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	29.151.035
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	184.112
Lãi kinh doanh chứng khoán	970.581.579	-
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế được chia	771.160.350	787.364.532
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	13.798.699.499
Cộng	2.569.288.370	15.341.640.166
26 . Chi phí tài chính	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí lãi vay	985.946.764	321.635.429
Chi phí tài chính khác	494.295.356	11.197.320
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	24.372.924
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn, dài hạn khác	(1.371.541.600)	854.944.362
Cộng	108.700.520	1.212.150.035

27 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.132.923.422	4.497.952.046
Cộng	2.132.923.422	4.497.952.046

28 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.447.949.701	27.964.567.777
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.447.949.701	27.964.567.777
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.901.343	13.698.317
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.439	2.041

29 . Thông tin về các bên liên quan

Cho đến ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Số dư
Phải thu		
Công ty LD Làng Quốc tế Hướng dương	Công ty liên kết	9.783.252.679
Công ty CP Y Học Lạch Tray	Công ty liên kết	348.602.719

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát trong năm

TT Bộ phận	Thu nhập
1 Hội đồng quản trị	272.810.447
2 Ban Tổng giám đốc	740.019.317
3 Ban kiểm soát	42.839.172
Tổng cộng	1.055.668.936

30 . Số liệu so sánh

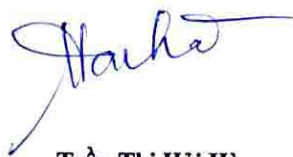
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh CN Hải Phòng, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh và phân loại lại.

Người lập biểu



Vũ Thị Vân Thương

Trưởng Phòng Kế toán



Trần Thị Hải Hà

Hải Phòng, ngày 20 tháng 05 năm 2013

Tổng Giám đốc



Phạm Kỳ Hưng

Phụ lục 1

8 . Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ thuộc loại khác	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá TSCĐ						
Số đầu năm	5.043.632.809	2.137.946.946	1.283.248.897	532.833.708	-	8.997.662.360
Tăng trong kỳ	-	581.795.771	-	390.682.734	-	972.478.505
- Đầu tư XDCB	-	581.795.771	-	-	-	581.795.771
- Mua sắm	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	390.682.734	-	390.682.734
Giảm trong kỳ	591.362.884	42.050.285	-	-	-	633.413.169
- Thanh lý, nhượng bán	-	42.050.285	-	-	-	42.050.285
- Giảm khác	591.362.884	-	-	-	-	591.362.884
Số cuối kỳ	4.452.269.925	2.677.692.432	1.283.248.897	923.516.442	-	9.336.727.696
Hao mòn TSCĐ						
Số đầu năm	3.745.685.509	1.703.812.379	1.162.303.425	291.142.226	-	6.902.943.539
Tăng trong kỳ	193.833.567	101.641.118	105.915.464	54.924.244	-	456.314.393
- Trích khấu hao TSCĐ	193.833.567	101.641.118	105.915.464	54.924.244	-	456.314.393
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3.939.519.076	1.805.453.497	1.268.218.889	346.066.470	-	7.359.257.932
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.297.947.300	434.134.567	120.945.472	241.691.482	-	2.094.718.821
Số cuối kỳ	512.750.849	872.238.935	15.030.008	577.449.972	-	1.977.469.764



20. Nguồn vốn chủ sở hữu

Phụ lục 2

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm trước	125.084.700.000	974.823	-	(7.360.691)	5.953.490.029	25.926.912.151	-	-	156.958.716.312
Tăng vốn trong năm	17.511.860.000	-	-	-	-	-	-	-	17.511.860.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	53.557.685.997	53.557.685.997
Tăng khác trong năm	-	-	-	9.621.028	-	-	1.065.616.803	-	1.075.237.831
Ảnh hưởng của việc hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối LN trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác trong năm	-	-	-	(405.861)	-	-	-	-	(405.861)
Số dư cuối năm trước	142.596.560.000	974.823	-	1.854.476	5.953.490.029	25.926.912.151	1.065.616.803	53.557.685.997	229.103.094.279
Tăng vốn trong năm	12.833.730.000	-	-	-	-	-	-	-	12.833.730.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	21.447.949.701	21.447.949.701
Ảnh hưởng của việc hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	12.859.664.963	12.859.664.963
Tăng khác trong năm	-	-	-	-	-	-	1.384.681.143	-	1.384.681.143
Trích lập quỹ từ LN thuần	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối LN trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(25.142.009.498)	(25.142.009.498)
Giảm khác trong năm	-	-	-	(7.747.666)	-	(3.864.135.598)	-	-	(3.871.883.264)
4. Số dư cuối năm nay	155.430.290.000	974.823	-	(5.893.190)	5.953.490.029	22.062.776.553	2.450.297.946	62.723.291.163	248.615.227.324